

## PHỤ LỤC I

**Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu năm 2025 (Đến ngày 26/12/2025)**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đồng Xuân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>6,189.584</b>	<b>5,933.308</b>	-	-	<b>5,933.308</b>	-	-
<b>A</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>		<b>4,935.884</b>	<b>4,696.695</b>	-	-	<b>4,696.695</b>	-	-
	<b>Công trình khởi công mới 2025</b>		<b>4,935.884</b>	<b>4,696.695</b>	-	-	<b>4,696.695</b>	-	-
<b>1</b>	<b>Trường TH và THCS Xuân Sơn Nam. HM: Phòng đa năng (khối THCS) và sân bê tông (khối Tiểu học) điểm trường chính thôn Tân Vinh</b>	<b>8156284</b>	<b>983.393</b>	<b>951.705</b>	-	-	<b>951.705</b>		
	Gói số 01-TV: Tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật			55.854			55.854		
	Gói số 02-TV: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán			4.377			4.377		
	Gói số 01-XL: Xây lắp			863.246			863.246		

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Gói số 03-TV: Giám sát thi công xây dựng			28.228			28.228		
2	<b>Nâng cấp trạm bơm nước sinh hoạt tập trung thôn Long Thạch. HM: nâng cấp tuyến ống, tủ điện, máy bơm, khoan, nạo vét giếng và một số hạng mục phụ trợ khác</b>	<b>8151513</b>	<b>577.910</b>	<b>502.302</b>	-	-	<b>502.302</b>		
	Gói số 03-TV: Tư vấn giám sát			10.243			10.243		
	Gói số 04-TV: Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu			2.049			2.049		
	Gói số 01-XL: Xây lắp			490.011			490.011		
3	<b>Đường GTNT đoạn từ ngã ba Gòm đến thửa đất bà Võ Thị Điểm, thôn Long Hòa</b>	<b>8151514</b>	<b>690.000</b>	<b>672.469</b>			<b>672.469</b>		
	Gói số 01-XL: Xây lắp			607.076			607.076		
	Gói số 01-TV: Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật			41.628			41.628		
	Gói số 02-TV: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công			4.320			4.320		
	Gói số 03-TV: Tư vấn giám sát thi công			19.445			19.445		

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	<b>Xây dựng mới 02 phòng học Trường TH và THCS Xuân Sơn Bắc (điểm trường chính thôn Tân Bình)</b>	<b>8144918</b>	<b>1,103.000</b>	<b>1,070.858</b>	-	-	<b>1,070.858</b>		
	Gói số 01-TV: Tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật			62.759			62.759		
	Gói số 02-TV: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán			4.905			4.905		
	Gói số 03-TV: Giám sát thi công			31.718			31.718		
	Gói số 03-TV: Kiểm tra công tác nghiệm thu			5.874			5.874		
	Gói số 01BH: Bảo hiểm			0.079			0.079		
	Gói số 01-XL: Thi công xây dựng công trình			965.524			965.524		
5	<b>Trạm Y tế xã Xuân Sơn Bắc. HM: Sơn sửa khối nhà chính</b>	<b>8152964</b>	<b>142.101</b>	<b>126.989</b>	-	-	<b>126.989</b>		
	Gói số 01-XL: Xây lắp			122.230			122.230		
	Gói thầu số 03 TV: Giám sát thi công xây dựng			4.015			4.015		

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Gói thầu số 04 TV: Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng			0.744			0.744		
6	<b>Trường TH và THCS Xuân Quang 2. HM: Xây dựng mới phòng truyền thống tại điểm trường Tiểu học</b>	<b>8141646</b>	<b>560.000</b>	<b>510.715</b>	-	-	<b>510.715</b>		
	Gói số 01-XL: Xây lắp			491.191			491.191		
	Gói số 1PTV: Bảo hiểm công trình			0.4002			0.4002		
	Gói số 3-TV: Kiểm tra công tác nghiệm thu			2.988			2.988		
	Gói số 4-TV: Giám sát thi công xây dựng			16.136			16.136		
7	<b>Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn Phước Huệ đoạn từ nhà ông Dương Tấn Bót đi nhà ông Phạm Văn Đạt</b>	<b>8149767</b>	<b>879.480</b>	<b>861.657</b>	-	-	<b>861.657</b>		
	Gói thầu 01-XL: Thi công xây dựng công trình			774.088			774.088		
	Gói thầu 3-TV: Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình			4.587			4.587		

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Gói thầu 4-TV: Giám sát thi công xây dựng công trình			24.770			24.770		
	Gói số 1-TV: Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật			53.893			53.893		
	Gói số 2-TV: Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán			4.320			4.320		
<b>B</b>	<b>CT MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi</b>		<b>1,253.700</b>	<b>1,236.613</b>	-	-	<b>1,236.613</b>		
	<b>Công trình khởi công mới 2025</b>		<b>1,253.700</b>	<b>1,236.613</b>	-	-	<b>1,236.613</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>704.000</b>	<b>704.000</b>			704.000		
1	Hỗ trợ xây dựng nhà ở (16 nhà) năm 2025	8142871	704.000	704.000	-	-	704.000		
	Gói thầu 01-XL: Xây lắp			704.000			704.000		
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>		<b>549.700</b>	<b>532.613</b>			<b>532.613</b>		
1	Mở rộng khu dân cư thôn Kỳ Đu. HM: Rãnh thoát nước đường giao thông thôn Kỳ Đu		549.700	532.613	-	-	532.613		

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị gói thầu được duyệt	Giá trị trúng thầu			Giá trị giảm	Tỷ lệ giảm so với giá gói thầu (%)
					Đấu thầu	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Gói thầu TV1: Khảo sát địa hình, lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật			35.719			35.719		
	Gói thầu TV2: Thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật			4.320			4.320		
	Gói thầu TV3: Tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây lắp			15.223			15.223		
	Gói thầu 01-XL: Xây lắp công trình			477.351			477.351		

**PHỤ LỤC II**

**Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đông Xuân)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Tên dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					Ước giải ngân	Trong đó:				
					NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>10,713.941</b>	<b>6,834.000</b>	<b>4,627.780</b>	<b>1,163.425</b>	<b>1,042.795</b>	-	-	<b>6,640.965</b>	<b>4,573.779</b>	<b>1,162.275</b>	<b>904.911</b>	-	-
<b>A</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>		<b>8,397.641</b>	<b>4,873.266</b>	<b>2,974.780</b>	<b>1,060.000</b>	<b>838.486</b>	-	-	<b>4,873.265</b>	<b>2,974.779</b>	<b>1,060.000</b>	<b>838.486</b>	-	-
<b>a</b>	<b>Thanh toán KL nợ 2024</b>		<b>3,461.757</b>	<b>696.867</b>	<b>617.867</b>	-	<b>79.000</b>	-	-	<b>696.867</b>	<b>617.867</b>	-	<b>79.000</b>	-	-
1	Đường giao thông nội đồng từ Cầu sắt Tân Vinh đến bãi rác tập trung xã Xuân Sơn Nam	8108102	684.546	254.000	224.000		30.000			254.000	224.000		30.000		
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Hòa, Xuân Sơn Nam	8091131	760.000	95.875	46.875		49.000			95.875	46.875		49.000		
3	Trường Mầm non Xuân Long, HM: Xây dựng mới phòng thư viện	8092025	500.000	166.592	166.592					166.592	166.592				
4	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng thôn Tân Thọ, xã Xuân Sơn Bắc	8110849	930.548	74.595	74.595					74.595	74.595				
5	Nâng cấp, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Xuân Quang 2(Đoạn từ thôn Phước Huệ đi giáp thôn Triêm Đức)	8085928	586.663	104.705	104.705					104.705	104.705				
6	Mở rộng hệ thống lưới điện chiếu sáng thôn Long Thạch (Đoạn từ đường đi bến Lô Vàng đến cầu Hồ Chông)	8030305	477.750	1.100	1.100					1.100	1.100				
<b>b</b>	<b>Công trình khởi công mới 2025</b>		<b>4,935.884</b>	<b>4,176.399</b>	<b>2,356.913</b>	<b>1,060.000</b>	<b>759.486</b>	-	-	<b>4,176.398</b>	<b>2,356.912</b>	<b>1,060.000</b>	<b>759.486</b>	-	-
1	Trường TH và THCS Xuân Sơn Nam. HM: Phòng đa năng (khối THCS) và sân bê tông (khối Tiểu học) điểm trường chính thôn Tân Vinh	8156284	983.393	860.469	472.545	265.000	122.924			860.469	472.545	265.000	122.924		
2	Nâng cấp trạm bơm nước sinh hoạt tập trung thôn Long Thạch. HM: nâng cấp tuyến ống, tủ điện, máy bơm, khoan, nạo vét giếng và một số hạng mục phụ trợ khác	8151513	577.910	520.119	287.278	175.050	57.791			520.119	287.278	175.050	57.791		
3	Đường GTNT đoạn từ ngã ba Gòm đến thửa đất bà Võ Thị Diễm, thôn Long Hòa	8151514	690.000	534.750	289.550	89.950	155.250			534.750	289.550	89.950	155.250		
4	Xây dựng mới 02 phòng học Trường TH và THCS Xuân Sơn Bắc (điểm trường chính thôn Tân Bình)	8144918	1,103.000	965.125	662.300	164.950	137.875			965.125	662.300	164.950	137.875		
5	Trạm Y tế xã Xuân Sơn Bắc. HM: Sơn sửa khối nhà chính	8152964	142.101	124.338	6.525	100.050	17.763			124.338	6.525	100.050	17.763		
6	Trường TH và THCS Xuân Quang 2. HM: Xây dựng mới phòng truyền thống tại điểm trường Tiểu học	8141646	560.000	490.000	355.050	64.950	70.000			490.000	355.050	64.950	70.000		
7	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn Phước Huệ đoạn từ nhà ông Dương Tấn Bót đi nhà ông Phạm Văn Đạt	8149767	879.480	681.597	283.664	200.050	197.883			681.597	283.664	200.050	197.883		
8	Vốn còn lại chưa phân bổ			0.001	0.001					0.000					



Tình hình xử lý nợ xây dựng cơ bản

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đồng Xuân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	KH vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Tổng cộng	Tổng KH vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025					Lấy kế đã giải ngân đến thời điểm hiện nay	Giá trị quyết toán dự án hoàn thành	Tổng cộng	KH cần bổ sung để thanh toán khối lượng				
						NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động				NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	huy động
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	<b>Tổng cộng</b>			<b>11,077.240</b>	<b>11,077.240</b>	<b>4,909.099</b>	<b>1,633.080</b>	<b>2,284.295</b>	<b>2,187.573</b>	<b>63.193</b>	<b>9,299.177</b>	<b>4,887.099</b>	<b>1,631.425</b>	<b>2,282.641</b>	<b>498.012</b>	<b>-</b>	<b>8,542.519</b>	<b>6,483.250</b>	<b>1,646.423</b>	<b>22.000</b>	<b>1.655</b>	<b>1.655</b>	<b>1,581.563</b>	<b>39.550</b>
<b>1</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>			<b>10,563.180</b>	<b>10,563.180</b>	<b>4,462.099</b>	<b>1,599.550</b>	<b>2,250.765</b>	<b>2,187.573</b>	<b>63.193</b>	<b>8,810.427</b>	<b>4,462.099</b>	<b>1,599.550</b>	<b>2,250.766</b>	<b>498.012</b>	<b>-</b>	<b>8,053.769</b>	<b>6,483.250</b>	<b>1,621.113</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,581.563</b>	<b>39.550</b>
<b>1</b>	<b>xã Xuân Sơn Bắc (cũ)</b>			<b>2,281.041</b>	<b>2,281.041</b>	<b>899.607</b>	<b>345.000</b>	<b>518.217</b>	<b>509.217</b>	<b>9.000</b>	<b>1,906.824</b>	<b>899.607</b>	<b>345.000</b>	<b>518.217</b>	<b>144.000</b>	<b>-</b>	<b>1,782.487</b>	<b>1,026.062</b>	<b>364.338</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>355.338</b>	<b>9.000</b>
	Chợ trung tâm xã Xuân Sơn Bắc; Hàng mục: Xây dựng dãy nhà kiốt; đồ sắn bê tông.	8100852	2024	1,035.940	1,035.940	230.782	80.000	362.579	359.579	3.000	817.361	230.782	80.000	362.579	144.000		817.362	1,026.062	208.700				205.700	3.000
	Xây dựng mới 02 phòng học Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Sơn Bắc (Điểm trường chính thôn Tân Bình)	8144918	2025	1,103.000	1,103.000	662.300	164.950	137.875	134.875	3.000	965.125	662.300	164.950	137.875			965.125		137.875				134.875	3.000
	Trạm Y tế xã Xuân Sơn Bắc. Hàng mục: Sơn sửa khối nhà chính	8152964	2025	142.101	142.101	6.525	100.050	17.763	14.763	3.000	124.338	6.525	100.050	17.763			-		17.763	-	-	-	14.763	3.000
<b>2</b>	<b>xã Xuân Sơn Nam (cũ)</b>			<b>1,444.546</b>	<b>1,444.546</b>	<b>604.000</b>	<b>152.500</b>	<b>344.023</b>	<b>334.023</b>	<b>10.000</b>	<b>1,256.219</b>	<b>604.000</b>	<b>152.500</b>	<b>344.023</b>	<b>155.696</b>	<b>-</b>	<b>1,256.219</b>	<b>1,429.138</b>	<b>172.919</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>162.919</b>	<b>10.000</b>
	Đường GTND từ cầu sắt Tân Vinh đến bãi rác thải tập trung xã Xuân Sơn Nam	8108102	2024	684.546	684.546	224.000	152.500	154.023	149.023	5.000	580.523	224.000	152.500	154.023	50.000		580.523	674.250	93.727				88.727	5.000
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Hòa, Xuân Sơn Nam	8091131	2024	760.000	760.000	380.000		190.000	185.000	5.000	675.696	380.000		190.000	105.696		675.696	754.888	79.192				74.192	5.000
<b>3</b>	<b>xã Xuân Long (cũ)</b>			<b>1,267.910</b>	<b>1,267.910</b>	<b>576.828</b>	<b>265.000</b>	<b>213.041</b>	<b>200.041</b>	<b>13.000</b>	<b>1,054.869</b>	<b>576.828</b>	<b>265.000</b>	<b>213.041</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>813.933</b>	<b>-</b>	<b>213.041</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>200.041</b>	<b>13.000</b>
	Nâng cấp trạm bơm nước sinh hoạt tập trung thôn Long Thạch. HM: nâng cấp tuyến ống, tủ điện, máy bơm, khoan, nạo vét giếng và một số hạng mục phụ trợ khác	8151513	2025	577.910	577.910	287.278	175.050	57.791	51.791	6.000	520.119	287.278	175.050	57.791			279.183		57.791				51.791	6.000
	Đường GTNT đoạn từ ngã ba Gôm đến thửa đất bà Võ Thị Diễm, thôn Long Hòa	8151514	2025	690.000	690.000	289.550	89.950	155.250	148.250	7.000	534.750	289.550	89.950	155.250			534.750		155.250				148.250	7.000
<b>4</b>	<b>xã Xuân Quang 2 (cũ)</b>			<b>5,569.683</b>	<b>5,569.683</b>	<b>2,381.664</b>	<b>837.050</b>	<b>1,175.484</b>	<b>1,144.292</b>	<b>31.193</b>	<b>4,592.515</b>	<b>2,381.664</b>	<b>837.050</b>	<b>1,175.485</b>	<b>198.316</b>	<b>-</b>	<b>4,201.130</b>	<b>4,028.050</b>	<b>870.815</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>863.265</b>	<b>7.550</b>
	Xây dựng tường rào, kê mái taluy Nghĩa địa thôn Phú Sơn	8016332	2022	807.000	807.000	168.200	154.600	242.100	222.292	19.808	714.900	168.200	154.600	242.100	150.000		714.900	788.292	71.192				71.192	
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTND tuyến đường từ nhà ông Trọng đi nhà bà Đản	8022743	2023	820.000	820.000	296.400	154.600	184.500	183.000	1.500	655.500	296.400	154.600	184.500	20.000		655.500	799.241	141.741				141.741	
	Nâng cấp sửa chữa đường GTND nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Chấn đi Soi rừng	8023115	2023	618.820	618.820	330.002	10.350	139.234	138.000	1.234	500.822	330.002	10.350	139.235	21.235		500.822	604.390	103.568				103.568	
	Nhà văn hóa xã Xuân Quang 2. HM: Nâng cấp sân bê tông và sân khấu lộ thiên	8023116	2023	177.720	177.720	115.518		31.101	31.000	0.101	148.054	115.518		31.101	1.435		148.054	173.750	25.696				25.696	
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTND tuyến đường Cây me đi Xóm Lầm thôn Triêm Đức	8085927	2024	1,120.000	1,120.000	384.830	231.170	252.000	249.000	3.000	873.646	384.830	231.170	252.000	5.646		873.646	1,079.674	206.028				203.028	3.000
	Nâng cấp, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Xuân Quang 2 (Đoạn từ thôn Phước Huệ đi giáp thôn Triêm Đức)	8085928	2024	586.663	586.663	448.000	21.330	58.666	56.000	2.667	527.996	448.000	21.330	58.666			527.996	582.703	54.707				53.040	1.667
	Trường TH và THCS Xuân Quang 2. HM: Xây dựng mới phòng truyền thông tại điểm trường Tiểu học	8141646	2025	560.000	560.000	355.050	64.950	70.000	69.000	1.000	490.000	355.050	64.950	70.000			490.000		70.000				69.000	1.000

Stt	Nội dung	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	KH vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Tổng cộng	Tổng KH vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025					Lũy kế đã giải ngân đến thời điểm hiện nay	Giá trị quyết toán dự án hoàn thành	Tổng cộng	KH cần bổ sung để thanh toán khối lượng					
						NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Huy động				NSTW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	huy động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn Phước Huệ đoạn từ nhà ông Dương Tấn Bớt đi nhà ông Phạm Văn Đạt	8149767	2025	879.480	879.480	283.664	200.050	197.883	196.000	1.883	681.597	283.664	200.050	197.883			290.212		197.883				196.000	1.883	
<b>II</b>	<b>Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>			<b>514.060</b>	<b>514.060</b>	<b>447.000</b>	<b>33.530</b>	<b>33.530</b>		-	<b>488.750</b>	<b>425.000</b>	<b>31.875</b>	<b>31.875</b>		-	<b>488.750</b>		<b>25.310</b>	<b>22.000</b>	<b>1.655</b>	<b>1.655</b>		-	-
<b>I</b>	<b>xã Xuân Quang 2 (cũ)</b>																								
	Nâng cấp sửa chữa đường GTND thôn Kỳ Đu (đoạn từ De Bom đi Hóc Bà Chuyển thôn Kỳ Đu)	8141647	2024	514.060	514.060	447.000	33.530	33.530			488.750	425.000	31.875	31.875			488.750		25.310	22.000	1.655	1.655			